TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/3/2024.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.
Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Nguyễn Văn Huynh.
+ Bà Lê Thị Ánh Sáng.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm- Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tình- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 698/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đậu Thị T, sinh năm: 1984.
Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ tạm trú: Số F, N, khu Phố D, phường Q, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm: 1981.
Địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ tạm trú: Tổ F, ấp C, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
(Chị T có đơn xin vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2023 và lời khai của nguyên đơn chị Đậu Thị T trình bày: Chị và anh Lâm c sống có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa ngày 04/01/2004, cả hai đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi lần anh L uống rượu về thì chửi vợ con dẫn đến vợ chồng thường hay gây gỗ, cải vã và anh L có đánh chị, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, thời gian

ly thân vợ chồng không có bàn bạc đoàn tụ. Nay, chị xác định tình cảm vợ không còn, yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 cháu. Lê Khánh T1, sinh ngày 25/3/2005 (đã thành niên), Lê Thị Nhã T2, sinh ngày 15/10/2008. Hiện chị đang nuôi dưỡng cháu T2. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T2, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

+ Bị đơn anh Lê Văn L không đến Tòa làm việc nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 02 cháu. Lê Khánh T1, sinh ngày 25/3/2005 (đã thành niên), Lê Thị Nhã T2, sinh ngày 15/10/2008. Hiện chị T đang nuôi dưỡng con tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lê Thị Nhã T2 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh L nhưng anh L không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đậu Thị T, anh Lê Văn L cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Hiện, anh Lê Văn L đang tạm trú tại xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Chị T có đơn tranh chấp ly hôn với anh L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đậu Thị T và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/01/2004 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, chị T và anh L có những bất đồng về quan điểm sống, mỗi khi anh L uống rượu về thì chửi vợ con dẫn đến vợ chồng thường gây gỗ, cải vã nhau anh L có đánh chị T, từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2021 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nhận thấy, điều kiện để chị T và anh L đoàn tụ chung sống với nhau là không có, tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 cháu. Lê Khánh T1, sinh ngày 25/3/2005 (đã thành niên), Lê Thị Nhã T2, sinh ngày 15/10/2008, cháu T2 đã trên 07 tuổi. Qua tham khảo ý kiến cháu T2 có nguyện vọng được sống với chị T. Thời gian qua chị T nuôi dưỡng con tốt. Để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung nên giao cháu Lê Thị Nhã T2 cho chị Đậu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[8] Án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Đậu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị T đối với anh Lê Văn L về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Đậu Thị T được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị Nhã T2, sinh ngày 15/10/2008 cho chị Đậu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Đậu Thị T và anh Lê Văn L vẫn phải có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh L có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2- Về án phí: Chị Đậu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai số 0001255 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND h. Long Thành (1);
- Chi cục THADS h. Long Thành (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (4).

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Cảnh